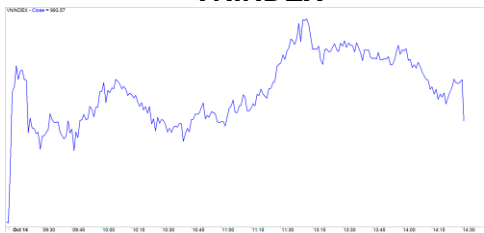


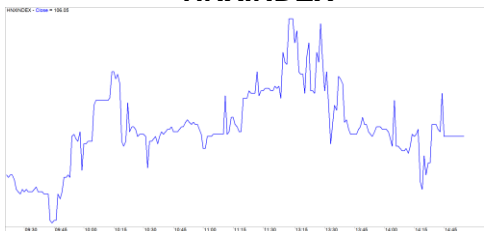
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	993.57	106.05	56.78
% ngày	0.17%	0.75%	-0.33%
% tuần	1.07%	2.24%	-0.12%
% tháng	0.64%	3.77%	0.11%
% năm	2.42%	-3.38%	7.64%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,190	527	261
TB 1 tuần	3,868	369	224
TB 1 tháng	4,104	377	228
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	356.04	3.98	24.66
Bán	329.93	10.79	11.82
Giá trị ròng	26.11	-6.81	12.84
Độ rộng TT			
Mã Tăng	160	80	184
Mã Giảm	130	66	98
Không Đổi	96	222	617
Chỉ số chính			
P/E	16.76	9.21	18.84
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,365	190	984
LS Cổ tức	1.40%	4.31%	5.23%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Hòa chung với diễn biến tích cực từ thị trường thế giới, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng tăng điểm ngay từ đầu phiên. VN-Index lúc cao nhất phiên tăng hơn 5 điểm chốt phiên chỉ tăng nhẹ gần 2 điểm hay 0.17% dừng tại 993.57 điểm. Chỉ số HNX-Index tiếp tục có mức tăng tốt 0.74% tạm dừng ở 106.05 điểm. Duy nhất chỉ số Upcom-Index giảm 0.33% chốt tại 56.78 điểm. Dòng tiền tham gia mạnh mẽ phiên hôm nay khi giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường tăng mạnh lên mức 4,100 tỷ đồng mức cao nhất trong vòng gần 4 tháng trở lại đây.

Nhóm cổ phiếu Ngân hàng tiếp tục “dẫn sóng” khi chỉ mỗi VCB giảm nhẹ về cuối phiên. Nổi bật nhất là MBB(+3.1%) với thanh khoản đột biến gần 12 triệu đơn vị. Ngoài ra, CTG(+2.6%), ACB(+2.1%) cũng ghi tên mình vào danh sách cổ phiếu tăng khá nhất trong nhóm. FLC cũng là cổ phiếu được chú ý khi tăng hết biên độ nhưng dòng tiền vẫn chưa tham gia mạnh và cổ phiếu này. Đà tăng có sự đồng thuận tích cực khi FPT, MWG, HDB, MWG, TCB tăng trên 1%. Nhóm Chứng khoán cũng có đại diện tăng khá như SSI(+2.1%), HCM(+3.3%). Đà tăng tụt áp về cuối phiên do mã vốn hóa lớn suy yếu như GAS(-0.3%), VCB(-0.4%), VRE(-2%), VHM(-0.6%).

Khối ngoại quay trở lại mua ròng với giá trị 32 tỷ đồng trên toàn thị trường. NVL, VIC dẫn đầu danh sách mua ròng với giá trị 27 tỷ và 16.8 tỷ đồng. VRE, ROS dẫn đầu danh sách bán ròng lần lượt 33 tỷ và 25.5 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ duy trì đà hồi phục trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm chứng lại mức kháng cự tâm lý 1,000 điểm. Đồng thời, thị trường có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh và dòng tiền ngắn hạn dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh trong vài phiên tới nếu đà tăng ngắn hạn được sớm xác nhận trong vài phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục tăng nhẹ, nhưng tỷ trọng cổ phiếu vẫn chưa cao.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 999.88 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức hỗ trợ ở mức 103.16 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể dừng bán và quan sát diễn biến thị trường để chờ xu hướng rõ ràng hơn, vị thế mua mới nên dành tỷ trọng thấp theo khuyến nghị.

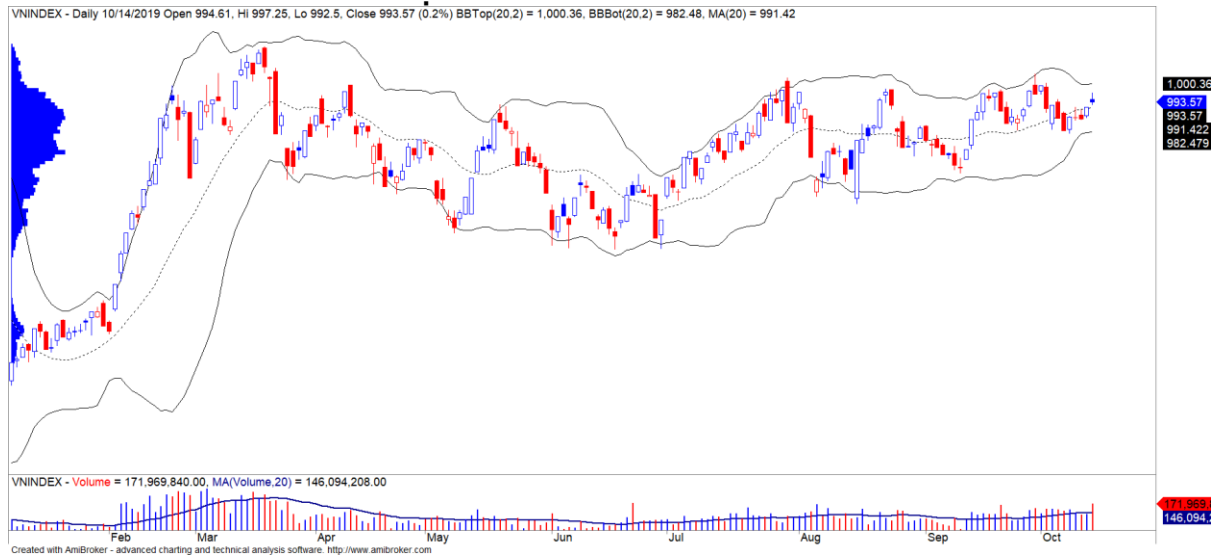
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 48% cổ phiếu/52% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	988	1,000	976	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	102.5	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.20	GIẢM	GIẢM		15.45				16.84		
ACB	24.50	TĂNG	TĂNG	24.50	24.15	0.00%	MUA	24.00	23.85	2.08%	MUA
ACV	76.50	TĂNG	GIẢM	75.80	72.72	0.92%			83.54		
ANV	26.05	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	0.58%			27.58		
ASM	8.37	TĂNG	TĂNG	6.30	7.82	32.86%		7.61	6.53	9.99%	
BFC	15.00	GIẢM	GIẢM		15.26				16.69		
BID	41.15	TĂNG	TĂNG	32.65	39.54	26.03%		33.40	36.76	23.20%	
BMP	53.50	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	3.28%		48.30	46.20	10.77%	
BSR	9.70	GIẢM	GIẢM		10.00				10.51		
BVH	72.00	GIẢM	GIẢM		74.24				79.61		
BWE	26.00	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-2.44%		20.00	25.45	30.00%	
CEO	9.50	GIẢM	GIẢM		10.13				10.98		
CII	24.45	TĂNG	TĂNG	21.40	23.32	14.25%		24.45	20.53	0.00%	
CMG	38.20	GIẢM	TĂNG		38.67			23.20	34.96	64.66%	
CMX	26.45	TĂNG	GIẢM	25.40	22.66	4.13%			29.52		
CSM	15.00	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	4.24%	
CTD	89.80	GIẢM	GIẢM		94.32				104.50		
CTG	21.70	TĂNG	GIẢM	21.30	20.59	1.88%			21.90		
CTR	50.70	TĂNG	N/A	46.50	47.03	9.03%		-	N/A		
CVT	22.35	TĂNG	TĂNG	21.25	22.29	5.18%		20.35	20.44	9.83%	
DCM	7.38	GIẢM	TĂNG		7.57			8.54	7.15	-13.58%	
DGC	25.80	GIẢM	GIẢM	27.80	26.08	-6.17%	BÁN		30.50		
DGW	24.95	TĂNG	TĂNG	24.60	24.10	1.42%		23.50	22.36	6.17%	
DHA	29.60	GIẢM	GIẢM		32.31				34.96		
DHC	34.90	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	5.76%			35.33		
DHG	93.00	GIẢM	GIẢM		93.50				99.56		
DIG	14.60	TĂNG	TĂNG	14.25	14.26	2.46%		13.90	13.14	5.04%	
DPG	45.00	GIẢM	GIẢM		47.94				50.61		
DPM	14.60	TĂNG	GIẢM	13.60	13.97	7.35%			14.62		
DPR	37.60	TĂNG	GIẢM	37.60	36.93	0.00%	MUA		41.63		
DQC	18.75	TĂNG	GIẢM	18.75	17.89	0.00%			20.25		
DRC	23.95	GIẢM	TĂNG		24.08			21.60	21.23	10.88%	
DXG	16.40	GIẢM	TĂNG		17.11			15.50	14.86	5.81%	
EIB	16.80	GIẢM	GIẢM		17.23				18.05		
FCN	12.50	TĂNG	GIẢM	12.65	12.31	-1.19%			13.36		



We Create Fortune

FMC	27.95	TĂNG	TĂNG	27.95	27.65	0.00%	MUA	31.60	26.18	-11.55%	
FPT	57.70	GIẢM	TĂNG		58.19			46.00	52.88	25.43%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM		104.14				109.55		
GEX	22.05	GIẢM	TĂNG		22.58			20.20	20.77	9.16%	
GIL	20.20	TĂNG	GIẢM	21.00	19.51	-3.81%			23.08		
GMD	26.60	GIẢM	TĂNG		27.48			28.50	26.02	-6.67%	
GTN	19.10	GIẢM	TĂNG		19.71			15.00	17.31	27.33%	
GVR	14.00	GIẢM	N/A		14.42				N/A		
HAG	4.39	GIẢM	GIẢM		4.62				5.11		
HAX	17.85	TĂNG	GIẢM	18.35	16.81	-2.72%			20.76		
HBC	14.05	GIẢM	GIẢM		14.46				15.19		
HCM	23.50	GIẢM	TĂNG		24.07			23.40	21.08	0.43%	
HDB	28.40	TĂNG	TĂNG	26.30	27.30	7.98%		28.00	27.71	1.43%	MUA
HDC	21.45	GIẢM	TĂNG	22.15	22.23	0.34%	BÁN	15.25	18.89	40.66%	
HDG	36.50	TĂNG	TĂNG	35.50	35.03	2.82%		35.30	32.61	3.40%	
HNG	15.25	GIẢM	GIẢM		15.90				17.48		
HPG	21.45	GIẢM	GIẢM		22.13				23.96		
HSG	7.32	TĂNG	GIẢM	6.86	7.13	6.71%			7.42		
HT1	15.85	GIẢM	GIẢM		16.06				16.70		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	0.00%			2.71		
HVN	35.00	TĂNG	GIẢM	34.80	33.85	0.57%			36.93		
KBC	15.20	GIẢM	TĂNG		15.40			15.35	14.37	-0.98%	
KDH	25.00	GIẢM	TĂNG		25.81			24.00	23.60	4.17%	
KSB	21.30	GIẢM	TĂNG		22.46			23.90	21.11	-10.88%	
LCG	8.96	TĂNG	GIẢM	9.60	8.92	-6.67%			9.73		
LDG	11.40	TĂNG	TĂNG	8.18	10.80	39.36%		9.89	9.45	15.27%	
LHG	16.10	GIẢM	GIẢM		16.61				18.27		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.13	0.00%			8.13		
MBB	23.45	TĂNG	TĂNG	22.20	22.31	5.63%		21.85	21.26	7.32%	
MPC	24.80	GIẢM	GIẢM		25.90				31.17		
MSN	76.60	GIẢM	GIẢM		79.37				81.93		
MSR	16.50	GIẢM	GIẢM		17.62				18.90		
MWG	124.70	GIẢM	TĂNG		127.07			88.70	114.74	40.59%	
NDN	16.80	GIẢM	TĂNG		17.34			13.70	16.27	22.63%	
NKG	5.80	GIẢM	GIẢM		5.83				6.45		
NLG	28.80	TĂNG	TĂNG	28.60	27.92	0.70%		28.70	26.73	0.35%	
NT2	22.70	GIẢM	GIẢM		24.23				25.77		
NTL	22.60	GIẢM	GIẢM		23.04				25.90		
NVL	62.00	GIẢM	TĂNG		63.76			63.00	58.45	-1.59%	

We Create Fortune

OIL	10.80	GIẢM	GIẢM		11.29			12.17		
PAC	27.90	GIẢM	GIẢM		29.91			31.05		
PC1	19.50	GIẢM	TĂNG		20.64		21.10	18.48	-7.58%	
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.54		29.00	25.01	-10.00%	
PHR	60.70	TĂNG	GIẢM	60.40	58.80	0.50%		65.37		
PLX	58.60	GIẢM	GIẢM		59.34			64.36		
PNJ	80.00	GIẢM	TĂNG		81.86		104.00	78.69	-23.08%	
POW	12.85	TĂNG	GIẢM	12.90	12.45	-0.39%		13.98		
PVT	17.00	GIẢM	TĂNG		17.65		18.30	16.28	-7.10%	
PPC	25.10	GIẢM	GIẢM		26.44			28.66		
PTB	72.40	TĂNG	TĂNG	69.70	69.25	3.87%	64.00	64.57	13.13%	
PVB	19.50	GIẢM	TĂNG		20.09		20.10	18.62	-2.99%	
PVD	16.75	GIẢM	TĂNG		17.60		18.10	15.96	-7.46%	
PVI	33.00	GIẢM	GIẢM		33.18			37.43		
PVS	18.70	GIẢM	GIẢM		19.32			21.78		
PXS	4.27	GIẢM	GIẢM		4.50			5.52		
QNS	29.70	GIẢM	TĂNG		30.03		33.80	27.80	-12.13%	
REE	38.00	GIẢM	TĂNG		39.51		33.33	35.23	14.03%	
SAB	258.50	GIẢM	TĂNG		266.23		245.00	257.56	5.51%	
SAM	8.00	TĂNG	TĂNG	7.99	7.63	0.13%	7.40	7.47	8.11%	
SCR	6.30	GIẢM	GIẢM		6.48			7.00		
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.46		6.99	8.30	28.76%	
SJS	15.40	GIẢM	GIẢM		16.31		-	18.63		
SKG	10.75	GIẢM	GIẢM		11.11			11.92		
SSI	21.75	GIẢM	GIẢM		22.26			22.27		
STB	11.10	TĂNG	TĂNG	10.55	10.54	5.21%		11.09		
TCB	23.90	TĂNG	TĂNG	22.65	22.97	5.52%	22.65	21.57	5.52%	
TCM	22.00	GIẢM	GIẢM		23.71			25.52		
TDH	11.00	GIẢM	TĂNG	9.40	11.06	17.63%	BÁN	10.15	9.99	8.37%
TLH	4.39	GIẢM	GIẢM		4.56			4.95		
TNG	17.80	GIẢM	GIẢM		18.80			20.81		
VCB	85.00	TĂNG	TĂNG	80.00	81.81	6.25%	62.00	75.14	37.10%	
VCG	26.60	TĂNG	TĂNG	27.00	26.32	-1.48%	19.20	24.12	38.54%	
VCS	84.60	GIẢM	GIẢM		100.45		68.00	92.48	36.00%	
VGC	19.40	TĂNG	GIẢM	20.00	18.77	-3.00%		20.53		
VGT	9.10	TĂNG	GIẢM	8.90	8.67	2.25%		9.82		
VHC	79.00	GIẢM	GIẢM		81.21			87.51		
VHM	87.90	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	0.69%	90.20	81.06	-2.55%	
VIB	18.60	TĂNG	TĂNG	18.20	17.67	2.20%	17.70	16.40	5.08%	



We Create Fortune

VIC	118.00	GIẢM	TĂNG		119.89			112.00	113.76	5.36%	
VIP	5.08	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-1.36%			5.47		
VJC	139.40	TĂNG	TĂNG	139.40	135.81	0.00%		124.50	130.27	11.97%	
VND	13.50	GIẢM	GIẢM		14.35				15.06		
VNG	22.25	TĂNG	TĂNG	19.10	21.69	16.49%		20.20	20.09	10.15%	
VNM	128.60	TĂNG	TĂNG	124.00	126.17	3.71%		130.10	118.96	-1.15%	
VPB	22.30	TĂNG	TĂNG	19.10	21.74	16.75%		20.30	20.54	9.85%	
VPI	41.30	GIẢM	TĂNG		42.16			41.30	39.68	0.00%	
VRC	15.20	GIẢM	GIẢM		15.88				16.26		
VRE	31.70	GIẢM	GIẢM		32.64				35.54		
VSC	26.50	GIẢM	GIẢM		27.64				30.51		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.50	TĂNG	TĂNG	24.50	24.15	0.00%	MUA	24.00	23.85	2.08%	MUA
BID	41.15	TĂNG	TĂNG	32.65	39.54	26.03%		33.40	36.76	23.20%	
BSR	9.70	GIẢM	GIẢM		10.00				10.51		
BVH	72.00	GIẢM	GIẢM		74.24				79.61		
CTG	21.70	TĂNG	GIẢM	21.30	20.59	1.88%			21.90		
FPT	57.70	GIẢM	TĂNG		58.19			40.23	52.88	43.44%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM		104.14				109.55		
GEX	22.05	GIẢM	TĂNG		22.58			20.26	20.77	8.83%	
GVR	14.00	GIẢM	N/A		14.42				N/A		
HDB	28.40	TĂNG	TĂNG	26.30	27.30	7.98%		28.00	27.71	1.43%	MUA
HNG	15.25	GIẢM	GIẢM		15.90				17.48		
HPG	21.45	GIẢM	GIẢM		22.13				23.96		
HVN	35.00	TĂNG	GIẢM	34.80	33.85	0.57%			36.93		
KDH	25.00	GIẢM	TĂNG		25.81			24.00	23.60	4.17%	
MBB	23.45	TĂNG	TĂNG	22.20	22.31	5.63%		19.72	21.26	18.92%	
MSN	76.60	GIẢM	GIẢM		79.37				81.93		
MWG	124.70	GIẢM	TĂNG		127.07			88.70	114.74	40.59%	
NVL	62.00	GIẢM	TĂNG		63.76			63.00	58.45	-1.59%	
OIL	10.80	GIẢM	GIẢM		11.29				12.17		
PLX	58.60	GIẢM	GIẢM		59.34				64.36		
PNJ	80.00	GIẢM	TĂNG		81.86			77.07	78.69	3.80%	
POW	12.85	TĂNG	GIẢM	12.90	12.45	-0.39%			13.98		

We Create Fortune

QNS	29.70	GIẢM	TĂNG		30.03			33.26	27.80	-10.69%	
REE	38.00	GIẢM	TĂNG		39.51			33.33	35.23	14.03%	
ROS	25.75	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-6.36%			29.25		
SBT	18.70	TĂNG	TĂNG	16.50	17.48	13.33%		17.50	16.44	6.86%	
SSI	21.75	GIẢM	GIẢM		22.26				22.27		
STB	11.10	TĂNG	TĂNG	10.55	10.54	5.21%			11.09		
TCB	23.90	TĂNG	TĂNG	22.65	22.97	5.52%		22.65	21.57	5.52%	
TPB	22.45	TĂNG	GIẢM	22.70	21.66	-1.10%			23.94		
VCB	85.00	TĂNG	TĂNG	80.00	81.81	6.25%		62.00	75.14	37.10%	
VCG	26.60	TĂNG	TĂNG	27.00	26.32	-1.48%		18.44	24.12	44.24%	
VCS	84.60	GIẢM	GIẢM		100.45			66.50	92.48	39.07%	
VEA	54.00	TĂNG	GIẢM	33.60	53.83	60.71%			59.45		
VGI	33.40	TĂNG	N/A	33.60	31.33	-0.60%			N/A		
VHM	87.90	TĂNG	TĂNG	87.30	87.12	0.69%		89.13	81.06	-1.38%	
VIB	18.60	TĂNG	TĂNG	87.30	17.67	-78.69%		15.00	16.40	23.96%	
VIC	118.00	GIẢM	TĂNG		119.89			112.00	113.76	5.36%	
VJC	139.40	TĂNG	TĂNG	139.40	135.81	0.00%		124.50	130.27	11.97%	
VNM	128.60	TĂNG	TĂNG	124.00	126.17	3.71%		130.10	118.96	-1.15%	
VPB	22.30	TĂNG	TĂNG	19.10	21.74	16.75%		20.30	20.54	9.85%	
VRE	31.70	GIẢM	GIẢM		32.64				35.54		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.20	GIẢM	GIẢM		15.45				16.84		
ANV	26.05	TĂNG	GIẢM	25.90	25.15	0.58%			27.58		
ASM	8.37	TĂNG	TĂNG	6.30	7.82	32.86%		7.61	6.53	9.99%	
BMI	26.35	TĂNG	TĂNG	26.00	24.68	1.35%		26.70	23.99	-1.31%	
BMP	53.50	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	3.28%		48.30	46.20	10.77%	
BWE	26.00	TĂNG	TĂNG	26.65	25.80	-2.44%		19.44	25.45	33.74%	
CEO	9.50	GIẢM	GIẢM		10.13				10.98		
CII	24.45	TĂNG	TĂNG	21.40	23.32	14.25%		24.45	20.53	0.00%	
CRE	24.80	GIẢM	GIẢM		25.26				25.94		
CTI	24.50	TĂNG	TĂNG	24.00	24.11	2.08%		25.05	22.53	-2.20%	
CTR	50.70	TĂNG	GIẢM	46.50	47.03	9.03%			53.42		
D2D	72.00	TĂNG	GIẢM	72.50	70.18	-0.69%			80.70		
DBD	55.90	TĂNG	TĂNG	57.30	54.17	-2.44%		38.65	50.35	44.63%	

We Create Fortune

DCM	7.38	GIẢM	TĂNG		7.57			7.63	7.15	-3.31%	
DGW	24.95	TĂNG	TĂNG	24.12	24.10	3.46%		23.04	22.36	8.30%	
DHC	34.90	TĂNG	GIẢM	33.00	33.48	5.76%			35.33		
DIG	14.60	TĂNG	TĂNG	14.25	14.26	2.46%		13.90	13.14	5.04%	
DPG	45.00	GIẢM	GIẢM		47.94				50.61		
DPM	14.60	TĂNG	GIẢM	13.60	13.97	7.35%			14.62		
DRC	23.95	GIẢM	TĂNG		24.08			21.60	21.23	10.88%	
DXG	16.40	GIẢM	TĂNG		17.11			15.50	14.86	5.81%	
E1VFN30	15.50	TĂNG	TĂNG	14.62	15.12	6.02%		15.26	14.49	1.57%	
FCN	12.50	TĂNG	GIẢM	12.65	12.31	-1.19%			13.36		
FLC	3.55	TĂNG	GIẢM	3.55	3.44	0.00%	MUA		3.95		
GEG	27.25	GIẢM	TĂNG		27.92			12.50	24.99	117.96%	
GMD	26.60	GIẢM	TĂNG		27.48			28.50	26.02	-6.67%	
GTN	19.10	GIẢM	TĂNG		19.71			15.00	17.31	27.33%	
HAG	4.39	GIẢM	GIẢM		4.62				5.11		
HBC	14.05	GIẢM	GIẢM		14.46				15.19		
HCM	23.50	GIẢM	TĂNG		24.07			23.40	21.08	0.43%	
HDC	21.45	GIẢM	TĂNG	22.15	22.23	0.34%	BÁN	15.25	18.89	40.66%	
HDG	36.50	TĂNG	TĂNG	35.50	35.03	2.82%		35.30	32.61	3.40%	
HPX	26.50	GIẢM	#N/A		26.96			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.32	TĂNG	GIẢM	6.86	7.13	6.71%			7.42		
HT1	15.85	GIẢM	GIẢM		16.06				16.70		
HTM	16.00	TĂNG	GIẢM	16.80	14.68	-4.76%			18.90		
IBC	20.60	TĂNG	GIẢM	20.60	20.14	0.00%			21.22		
IDI	7.57	TĂNG	TĂNG	7.57	7.44	0.00%	MUA	7.53	6.22	0.53%	
IJC	15.30	GIẢM	TĂNG		16.79			13.10	13.28	16.79%	
ITA	3.14	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-4.56%		3.20	2.96	-1.88%	
KBC	15.20	GIẢM	TĂNG		15.40			14.85	14.37	2.38%	
KDC	20.90	TĂNG	TĂNG	21.50	19.86	-2.79%		21.90	18.17	-4.57%	
KOS	27.40	TĂNG	TĂNG	26.80	26.18	2.24%		26.30	24.18	4.18%	
KSB	21.30	GIẢM	TĂNG		22.46			24.90	21.11	-14.46%	
LDG	11.40	TĂNG	TĂNG	8.18	10.80	39.36%		9.89	9.45	15.27%	
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.13	0.00%			8.13		
MBG	31.90	TĂNG	TĂNG	13.70	30.92	132.85%		5.10	26.55	525.49%	
MBS	14.40	GIẢM	TĂNG		15.20			16.00	14.25	-10.00%	BÁN
MPC	24.80	GIẢM	GIẢM		25.90				31.17		
NBB	21.50	TĂNG	GIẢM	20.85	20.08	3.12%			22.02		
NKG	5.80	GIẢM	GIẢM		5.83				6.45		

We Create Fortune

NLG	28.80	TĂNG	TĂNG	28.60	27.92	0.70%		26.28	26.73	9.58%	
NT2	22.70	GIẢM	GIẢM		24.23				25.77		
NTL	22.60	GIẢM	GIẢM		23.04				25.90		
NVB	8.60	TĂNG	TĂNG	7.60	7.99	13.16%		8.50	7.28	1.18%	
OGC	3.86	GIẢM	GIẢM		3.93				4.31		
PC1	19.50	GIẢM	TĂNG		20.64			19.30	18.48	1.04%	
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.54			23.59	25.01	10.62%	
PHR	60.70	TĂNG	GIẢM	60.40	58.80	0.50%			65.37		
PPC	25.10	GIẢM	GIẢM		26.44				28.66		
PTB	72.40	TĂNG	TĂNG	69.70	69.25	3.87%		60.78	64.57	19.12%	
PVD	16.75	GIẢM	TĂNG		17.60			18.10	15.96	-7.46%	
PVI	33.00	GIẢM	GIẢM		33.18				37.43		
PVS	18.70	GIẢM	GIẢM		19.32				21.78		
PVT	17.00	GIẢM	TĂNG		17.65			17.31	16.28	-1.76%	
QCG	4.74	TĂNG	GIẢM	4.76	4.53	-0.42%			5.27		
SCR	6.30	GIẢM	GIẢM		6.48				7.00		
SGP	9.40	GIẢM	TĂNG		9.91			12.30	8.95	-23.58%	
SHB	6.70	TĂNG	GIẢM	6.60	6.36	1.52%			6.86		
SHS	8.50	TĂNG	TĂNG	7.30	7.99	16.44%		8.40	7.19	1.19%	
SZC	17.30	GIẢM	#N/A		19.23				#N/A		
TCH	24.55	TĂNG	TĂNG	22.05	23.02	11.34%		23.00	21.53	6.74%	
TCM	22.00	GIẢM	GIẢM		23.71				25.52		
TDH	11.00	GIẢM	TĂNG	9.40	11.06	17.63%	BÁN	10.15	9.99	8.37%	
TNG	17.80	GIẢM	GIẢM		18.80				20.81		
TTB	23.60	TĂNG	TĂNG	23.40	22.93	0.85%		24.50	22.71	-3.67%	
VGC	19.40	TĂNG	GIẢM	20.00	18.77	-3.00%			20.53		
VGT	9.10	TĂNG	GIẢM	8.90	8.67	2.25%			9.82		
VHC	79.00	GIẢM	GIẢM		81.21				87.51		
VND	13.50	GIẢM	GIẢM		14.35				15.06		
VNG	22.25	TĂNG	TĂNG	19.10	21.69	16.49%		20.20	20.09	10.15%	
VPI	41.30	GIẢM	TĂNG		42.16			41.30	39.68	0.00%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.30	GIẢM	GIẢM		9.58				10.45		
AGR	4.27	TĂNG	GIẢM	4.55	4.21	-6.15%		3.99	4.34	8.84%	BÁN

We Create Fortune

AMD	1.54	TĂNG	GIẢM	1.49	1.37	3.36%		1.72			
APG	8.70	GIẢM	TĂNG		9.27			9.90	7.90	-12.12%	
ART	2.00	TĂNG	GIẢM	2.00	1.76	0.00%			2.25		
BCG	8.46	TĂNG	TĂNG	8.60	7.63	-1.63%		6.39	7.30	32.39%	
C4G	6.80	TĂNG	GIẢM	6.90	5.72	-1.45%			7.99		
C69	23.90	GIẢM	TĂNG		27.51			4.34	22.95	450.40%	
CCL	8.24	GIẢM	GIẢM		8.94				10.73		
CVT	22.35	TĂNG	TĂNG	21.25	22.29	5.18%		20.35	20.44	9.83%	
DAH	9.78	GIẢM	GIẢM		10.21				11.86		
DLG	1.48	GIẢM	GIẢM		1.55				1.65		
DRH	6.70	GIẢM	GIẢM		7.18				7.76		
DTD	14.90	GIẢM	TĂNG		16.10			11.74	14.20	26.86%	
EVG	2.58	GIẢM	GIẢM		2.68				2.97		
FIT	4.04	TĂNG	TĂNG	3.59	3.64	12.53%		3.64	3.03	10.99%	
FTM	3.64	GIẢM	GIẢM		4.78				6.96		
FUES SV50	13.22	GIẢM	TĂNG		13.31			12.85	12.75	2.88%	
GKM	15.20	TĂNG	GIẢM	15.00	14.76	1.33%			15.54		
HAH	14.50	GIẢM	TĂNG		14.82			13.00	13.89	11.54%	
HAI	1.69	TĂNG	GIẢM	1.69	1.64	0.00%	MUA		1.83		
HAR	3.59	GIẢM	GIẢM		3.82				3.88		
HDA	10.80	TĂNG	GIẢM	11.20	10.66	-3.57%			12.07		
HHP	11.70	GIẢM	GIẢM		12.11				13.53		
HHS	3.35	TĂNG	TĂNG	3.04	3.15	10.20%		3.36	3.20	-0.30%	MUA
HID	2.46	TĂNG	TĂNG	2.10	2.37	17.14%		2.63	2.07	-6.46%	
HII	11.40	GIẢM	GIẢM		12.13				12.29		
HQC	1.12	GIẢM	GIẢM		1.15				1.26		
HSL	7.78	GIẢM	TĂNG		8.15			9.84	7.71	-20.93%	BÁN
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.21	0.00%			2.71		
HVG	2.83	GIẢM	GIẢM		3.04				3.74		
HVH	18.20	GIẢM	GIẢM		18.65				21.70		
IDJ	7.40	TĂNG	TĂNG	5.90	6.06	25.42%		7.20	6.58	2.78%	MUA
JVC	4.65	TĂNG	TĂNG	3.86	4.06	20.47%		3.10	3.05	50.00%	
KLF	1.30	GIẢM	GIẢM		1.37				1.48		
LCG	8.96	TĂNG	GIẢM	8.92	8.92	0.47%			9.73		
LGL	10.50	GIẢM	TĂNG		10.96			7.11	9.49	47.61%	
LHG	16.10	GIẢM	GIẢM		16.61				18.27		
LMH	13.85	GIẢM	#N/A		14.06				#N/A		
MST	3.40	TĂNG	TĂNG	2.80	3.21	21.43%		3.40	2.79	0.00%	

We Create Fortune

NDN	16.80	GIẢM	TĂNG		17.34			13.10	16.27	28.20%	
PHC	14.40	TĂNG	TĂNG	13.30	13.56	8.27%		14.20	12.46	1.41%	
PLP	12.70	TĂNG	TĂNG	9.63	12.02	31.88%		10.95	10.18	15.98%	
PVB	19.50	GIẢM	TĂNG		20.09			19.42	18.62	0.43%	
PVC	6.80	TĂNG	TĂNG	6.89	6.55	-1.29%		6.70	6.30	1.49%	
PVX	1.30	GIẢM	GIẢM		1.48				1.50		
PXL	5.30	TĂNG	GIẢM	5.50	4.57	-3.64%			6.41		
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.46			5.77	8.30	56.11%	
SJF	2.43	GIẢM	GIẢM		2.59				3.28		
SPP	2.40	GIẢM	GIẢM		2.80				3.36		
TDC	9.12	TĂNG	TĂNG	9.49	8.87	-3.90%		7.05	8.48	29.29%	
TIG	4.10	TĂNG	TĂNG	3.40	3.53	20.59%		3.20	3.40	28.13%	
TLH	4.39	GIẢM	GIẢM		4.56				4.95		
TNA	15.10	TĂNG	TĂNG	13.70	13.85	10.22%		11.45	12.26	31.86%	
TNI	10.40	GIẢM	GIẢM		10.43				11.25		
TSC	2.75	TĂNG	TĂNG	1.88	2.49	46.28%		1.58	1.95	74.05%	
TTF	2.92	TĂNG	GIẢM	2.93	2.67	-0.34%			3.22		
TTH	3.00	TĂNG	GIẢM	3.10	2.82	-3.23%			3.34		
TVC	15.80	GIẢM	TĂNG		16.36			14.30	14.38	10.49%	
VC3	24.50	TĂNG	TĂNG	23.20	23.13	5.60%		22.00	22.00	11.36%	
VCR	16.70	GIẢM	GIẢM		19.16				25.98		
VNA	4.80	GIẢM	TĂNG		5.20				3.92		
VNE	3.44	TĂNG	GIẢM	3.35	3.25	2.69%			3.70		
VRC	15.20	GIẢM	GIẢM		15.88				16.26		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	993.57	0.17%
VN30	921.91	0.57%
VN Mid	979.85	0.11%
VN Small	801.58	0.01%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.05	0.75%
HN30	188.01	-0.32%
VNX AllSh	884.57	0.34%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.78	-0.33%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	356.04	
Bán	329.93	
GT rỗng	26.11	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	3.98	
Bán	10.79	
GT rỗng	-6.81	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	24.66	
Bán	11.82	
GT rỗng	12.84	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FLC	230	6.93%
STK	1250	6.67%
SBT	700	3.89%
DPR	1400	3.87%
HQC	40	3.70%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	100	4.35%
SHS	300	3.66%
PVI	1000	3.13%
VC3	600	2.51%
NVB	200	2.38%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SDI	11600	14.78%
HNF	5700	14.29%
NNG	1000	9.62%
KDF	2500	7.81%
LPB	200	2.67%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SZL	-2500	-5.63%
HDC	-1150	-5.09%
TDH	-550	-4.76%
SZC	-750	-4.16%
NT2	-950	-4.02%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCS	-9400	-10.00%
L14	-3000	-4.86%
CEO	-200	-2.06%
TAR	-500	-1.60%
DGC	-400	-1.53%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTC	-8400	-5.08%
SIP	-4300	-4.30%
HTM	-400	-2.44%
NHH	-900	-2.34%
BSR	-200	-2.02%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	394,820	
VCB	316,367	
VHM	296,097	
VNM	222,896	
GAS	195,797	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,912	
VCS	15,040	
VCG	11,750	
PVS	9,034	
SHB	7,941	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	165,391	
VGI	101,140	
VEA	72,701	
GVR	55,756	
MCH	52,153	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	24,695,950	20,834,331
MBB	12,044,820	5,241,827
CTG	7,299,870	2,979,990
STB	6,856,600	4,713,653
VPB	6,611,580	6,027,715

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	6,192,810	4,362,951
ACB	3,718,713	2,363,437
VCG	3,297,960	831,459
PSI	3,207,500	154,430
KLF	2,169,503	508,380

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
TRT	2,459,900	117,190
VIB	2,301,568	1,167,520
C4G	1,147,710	319,473
BSR	1,126,140	2,142,974
LPB	617,738	474,860

Nguồn: Bloomberg & YSVN

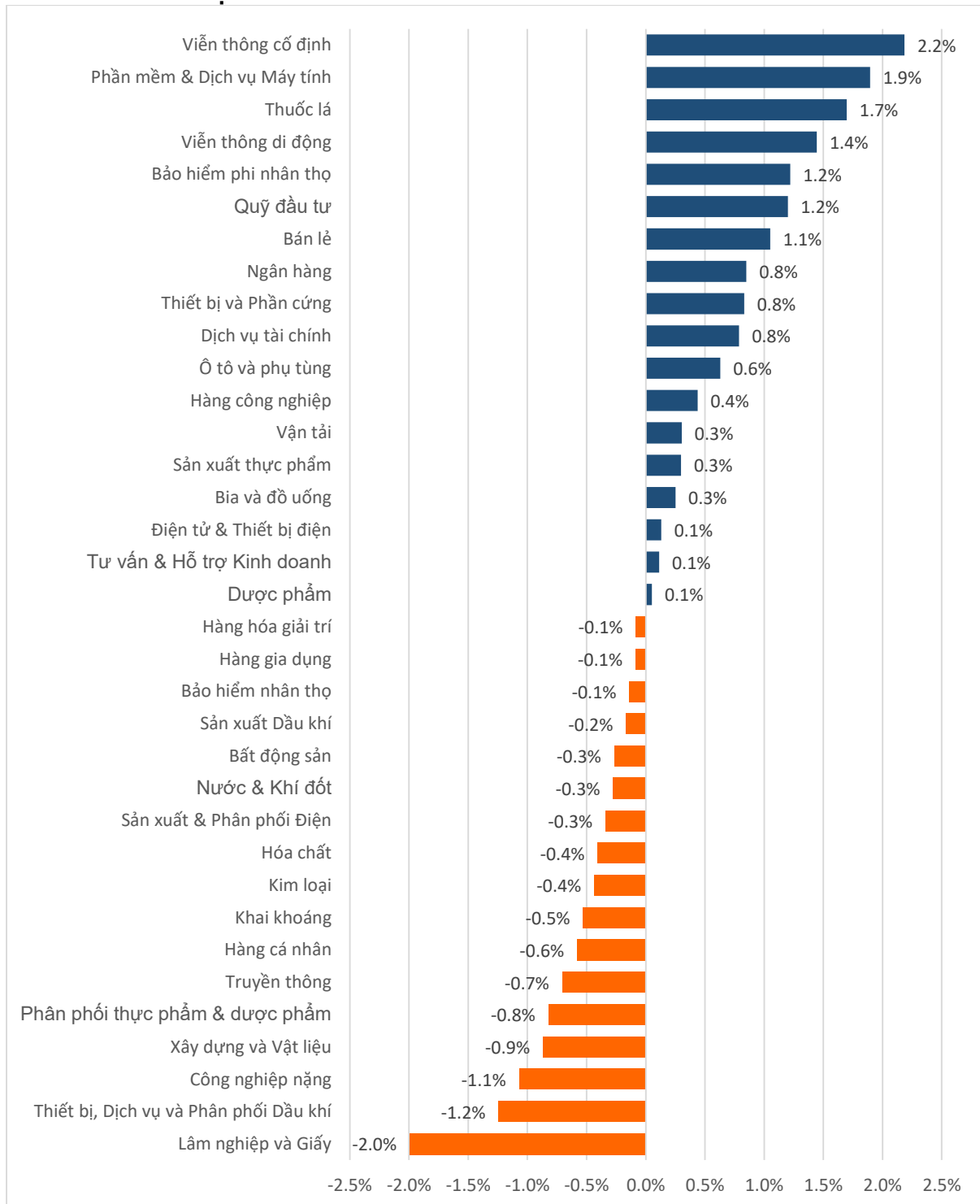
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



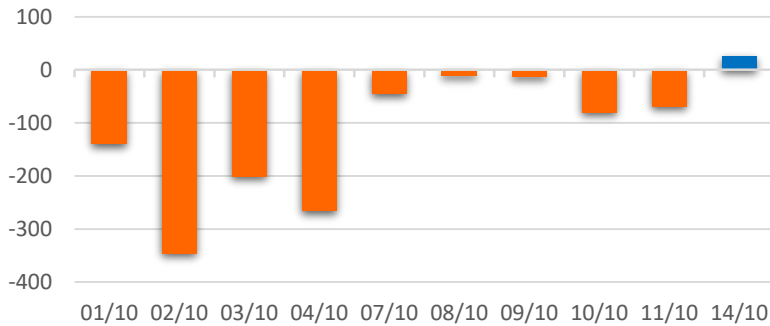
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

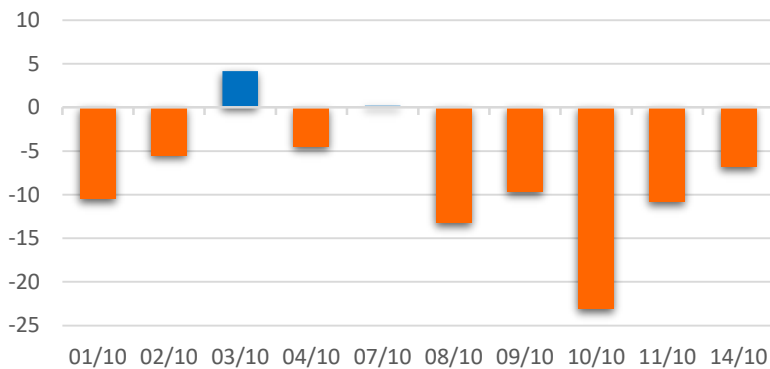
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
NVL	27,042	VRE	32,967
VIC	17,809	ROS	25,573
VCB	14,931	HDB	22,788
VNM	13,746	VJC	14,508
BID	11,207	HPG	7,164

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

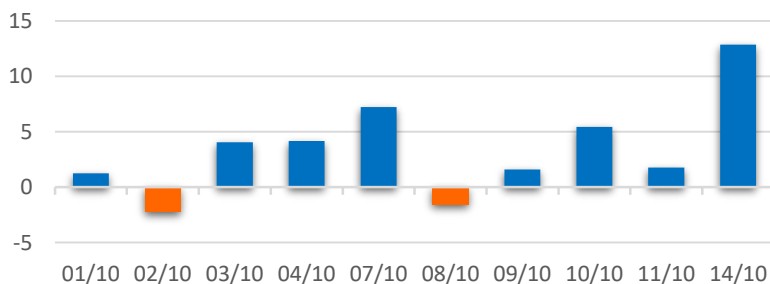
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	939	NET	5,550
SCI	880	NTP	1,731
BAX	755	CEO	1,248
SRA	238	PVS	1,075
VCS	203	DGC	169

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	4,588	BSR	2,043
ACV	3,750	CTR	275
VEA	2,312	VLC	45
MCH	784	HPB	2
VTP	688	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



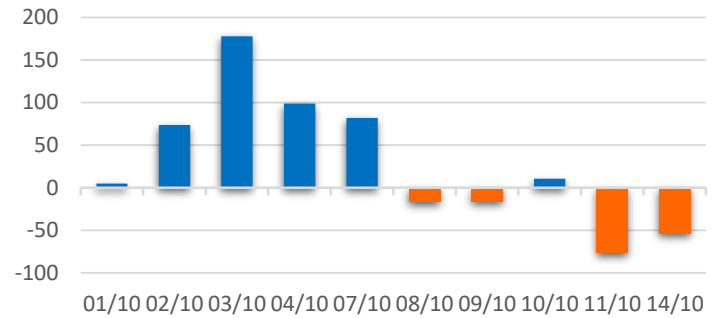
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

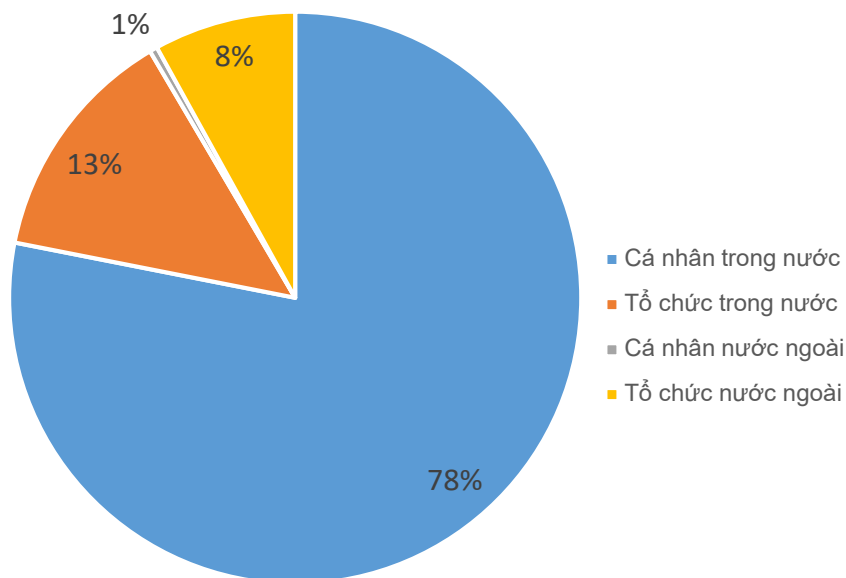
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MBB	17,681	MBB	39,490
HPG	6,234	HDG	17,385
HDG	5,173	FPT	9,554
BMI	3,920	VIC	5,247
FPT	3,755	VNM	4,471

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

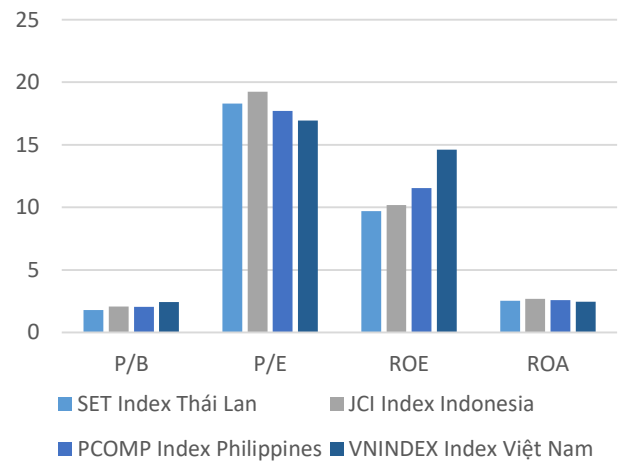
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.3x	19.2x	17.7x	16.9x
ROE	%	9.69	10.19	11.54	14.60
ROA	%	2.54	2.69	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	554.09	498.28	190.77	144.67
GTGD	Triệu USD	1.67	0.43	0.05	0.12
LS cổ tức	%	3.13	2.52	1.65	1.89

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written